

Số: 282/BC-UBND

An Giang, ngày 31 tháng 5 năm 2018

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện Nghị quyết số 40/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016

VĂN PHÒNG HĐND TỈNH AN GIANG

ĐẾN
Ngày: 04/6/2018
Số: 5509
Chuyển:
Lưu Hồ Sơ: ĐC UBND

của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ đầu tư
phát triển nông nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang

Thực hiện Kế hoạch số 08/KH-HĐND ngày 04/5/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về tổ chức kỳ họp lần thứ 7 Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, nhiệm kỳ 2016 - 2021, trong đó yêu cầu báo cáo kết quả thực hiện chất vấn tại kỳ họp lần thứ 6, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo như sau:

I. Về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 40/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh:

1. Về việc ban hành văn bản thực hiện chính sách:

Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 436/QĐ-UBND ngày 05/3/2018 về việc ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh An Giang. Theo đó, Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh An Giang sẽ thực hiện hỗ trợ tài chính (cho vay ưu đãi, hỗ trợ lãi suất, bảo lãnh tín dụng) cho cá nhân, hộ gia đình, tổ hợp tác, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện sản xuất kinh doanh thuộc 08 nhóm sản phẩm nông nghiệp được quy hoạch sản xuất theo hướng ứng dụng công nghệ cao của tỉnh theo quy định tại Điều 14 Nghị quyết số 40/2016/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Kết quả triển khai thực hiện:

2.1. Kết quả thu hút đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn:

Từ năm 2017 đến nay (Nghị quyết số 40/2016/NQ-HĐND thay thế Nghị quyết số 04/2014/NQ-HĐND): đã thu hút được 26 dự án đầu tư với tổng vốn đăng ký 9.907.172 tỷ đồng, chiếm 23,42% tổng số dự án thu hút trên địa bàn và bằng 37,58% về tổng vốn đăng ký đầu tư do doanh nghiệp đầu tư.

2.2. Về hỗ trợ đầu tư và bố trí nguồn lực thực hiện:

2.2.1. Hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp và hỗ trợ hạ tầng kỹ thuật đến chân hàng rào dự án: Ủy ban nhân dân tỉnh đã hỗ trợ đầu tư cho 08 dự án với tổng mức đầu tư của 08 dự án là 583,4 tỷ đồng. Trong đó:

a) Hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp: đã hỗ trợ đầu tư cho 05 dự án của doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký đầu tư là 567 tỷ đồng, tổng vốn hỗ trợ là 20 tỷ đồng. Trong đó: ngân sách Trung ương hỗ trợ 05 tỷ đồng, ngân sách tỉnh hỗ trợ 15 tỷ đồng. Bao gồm:

- Dự án Trang trại chăn nuôi bò SD với tổng vốn đăng ký đầu tư là 150 tỷ đồng, tổng vốn hỗ trợ là 05 tỷ đồng (trong đó: ngân sách Trung ương hỗ trợ 03 tỷ đồng, ngân sách tỉnh hỗ trợ 02 tỷ đồng).

- Dự án Chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ rau màu Antesco với tổng mức đầu tư là 135 tỷ đồng, tổng vốn hỗ trợ là 05 tỷ đồng (trong đó: ngân sách Trung ương hỗ trợ 02 tỷ đồng, ngân sách tỉnh hỗ trợ 03 tỷ đồng).

- Dự án Hệ thống tháp sấy lúa với tổng vốn đăng ký đầu tư là 09 tỷ đồng, tổng vốn hỗ trợ là 02 tỷ đồng từ ngân sách tỉnh.

- Dự án Nhà máy chế biến lương thực Trịnh Văn Phú với tổng vốn đăng ký đầu tư là 143 tỷ đồng, tổng vốn hỗ trợ 05 tỷ đồng từ ngân sách tỉnh.

- Dự án Trại heo công nghệ cao Việt Thắng An Giang với tổng vốn đăng ký đầu tư là 130 tỷ đồng, tổng vốn hỗ trợ 03 tỷ đồng từ ngân sách tỉnh.

b) Hỗ trợ hạ tầng kỹ thuật đến chân hàng rào dự án: đã hỗ trợ đầu tư cho 03 tuyến đường giao thông nông thôn để kết nối đến chân hàng rào các dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, nông nghiệp công nghệ cao, tạo điều kiện cho các nhà đầu tư triển khai dự án, đưa dự án vào hoạt động với tổng vốn hỗ trợ đầu tư 16,4 tỷ đồng. Gồm:

- Dự án Đường bờ Đông Kênh T6, xã Lương An Trà, huyện Tri Tôn: vốn hỗ trợ đầu tư 3,5 tỷ đồng.

- Dự án Đường giao thông ấp Giồng Cát, xã Lương An Trà, huyện Tri Tôn (đường vào trang trại nuôi bò của hộ Nguyễn Thanh Liêm): vốn hỗ trợ đầu tư 8,9 tỷ đồng.

- Dự án Đường giao thông nông thôn ấp Vĩnh Lạc, xã Vĩnh Gia, huyện Tri Tôn (đường vào dự án trang trại nuôi bò của Công ty TNHH một thành viên SD và trang trại chăn nuôi heo công nghệ cao của Công ty TNHH Hoàng Vĩnh Gia): vốn hỗ trợ đầu tư 04 tỷ đồng.

2.2.2. Về bố trí nguồn lực thực hiện:

a) Bố trí vốn thực hiện giai đoạn 2016 - 2020:

- Đối với ngân sách tỉnh: Hội đồng nhân dân tỉnh đã thông qua Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 về phê chuẩn phương án phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 (nguồn vốn ngân sách tỉnh). Theo đó, bố trí vốn thực hiện chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP cho 05 dự án với tổng vốn hỗ trợ là 15.000 triệu đồng.

- Đối với ngân sách Trung ương: theo Quyết định số 572/QĐ-BKHĐT ngày 20/4/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020, theo đó bố trí vốn thực hiện chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP cho 02 dự án với tổng vốn hỗ trợ là 5.000 triệu đồng.

b) Tình hình thanh toán các khoản hỗ trợ cho doanh nghiệp: tính đến thời điểm hiện nay, đã thanh toán các khoản hỗ trợ cho 05 doanh nghiệp có dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP là 16.734 triệu đồng theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh. Gồm:

(1) Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang (Antesco): 5.000 triệu đồng. Trong đó:

- Ngân sách Trung ương hỗ trợ 2.000 triệu đồng (năm 2018).

- Ngân sách tỉnh hỗ trợ 3.000 triệu đồng (năm 2017).

(2) Công ty TNHH một thành viên SD: 1.734 triệu đồng (ngân sách tỉnh năm 2017). Theo Quyết định số 2423A/QĐ-UBND ngày 30/8/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc hỗ trợ Công ty TNHH một thành viên SD đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn dự án “Trang trại chăn nuôi bò SD”, số tiền hỗ trợ là 5.000 triệu đồng. Trong đó:

- Ngân sách tỉnh hỗ trợ: 2.000 triệu đồng (đã hỗ trợ 1.734 triệu đồng. Sau khi Công ty hoàn chỉnh các hạng mục còn lại của dự án, có công văn đề nghị gửi Sở Tài chính kèm theo các hồ sơ, chứng từ liên quan, ngân sách tỉnh sẽ thanh toán phần còn lại).

- Ngân sách Trung ương hỗ trợ năm 2018: 3.000 triệu đồng. Sau khi Công ty hoàn thành hạng mục của dự án theo quy định tại Nghị định số 210/2013/NĐ-CP, có biên bản nghiệm thu hoàn thành từng hạng mục của dự án, Sở Tài chính sẽ phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến về nguồn thanh toán cho Công ty.

(3) Công ty Cổ phần Hưng Lâm: 2.000 triệu đồng (ngân sách tỉnh năm 2017).

(4) Công ty TNHH một thành viên Trịnh Văn Phú: 5.000 triệu đồng (ngân sách tỉnh năm 2018).

(5) Công ty TNHH Giống Chăn nuôi Việt Thắng An Giang: 3.000 triệu đồng (ngân sách tỉnh năm 2018).

c) Ngoài ra, thực hiện công văn số 1334/BKHĐT-KTNN ngày 08/3/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc tổng hợp nhu cầu hỗ trợ dự án theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP, Ủy ban nhân dân tỉnh đã có công văn số 270/UBND-KTTH ngày 15/3/2018 gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Theo đó, đề nghị hỗ trợ 04 dự án đầu tư với mức vốn hỗ trợ là 20.000 triệu đồng (trong đó: ngân sách Trung ương 12.000 triệu đồng, ngân sách tỉnh 8.000 triệu đồng).

3. Tình hình hỗ trợ tài chính, tiếp cận tín dụng:

3.1. Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh:

- Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh được thành lập vào năm 2012 với số vốn điều lệ là 100.000 triệu đồng, ngân sách nhà nước cấp thực tế là 103.717 triệu đồng. Quỹ thực hiện cho vay đối với các dự án đầu tư thuộc danh mục các lĩnh vực kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo Quyết định số 1696/QĐ-UBND ngày 02/10/2014.

- Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh được ủy thác cho Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Việt Nam khu vực Đồng Tháp - An Giang trực tiếp quản lý, điều hành hoạt động. Hiện nay, Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh đã chính thức hoạt động độc lập từ ngày 16/4/2018, trụ sở tạm thời của Quỹ tại số 83 Nguyễn Huệ, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Hội đồng Quản lý Quỹ đã trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho vay 15 dự án đầu tư trong lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng, giao thông, năng lượng; lĩnh

vực xã hội hóa hạ tầng xã hội và lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội khác, tổng mức vốn vay theo hợp đồng tín dụng là 141.946 triệu đồng, số vốn đã giải ngân là 103.303 triệu đồng, nợ gốc đã thu 20.004 triệu đồng, số dư nợ vay 83.299 triệu đồng. Trong đó:

+ Lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng, giao thông, năng lượng: 05 dự án với mức vốn vay theo hợp đồng tín dụng là 46.660 triệu đồng, số vốn đã giải ngân là 36.430 triệu đồng, số dư nợ vay là 28.345 triệu đồng.

+ Lĩnh vực xã hội hóa hạ tầng xã hội: 07 dự án với mức vốn vay theo hợp đồng tín dụng là 68.286 triệu đồng, số vốn đã giải ngân là 52.553 triệu đồng, số dư nợ vay là 41.835 triệu đồng.

+ Lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội khác tại địa phương: 03 dự án với mức vốn vay theo hợp đồng tín dụng là 27.000 triệu đồng, số vốn đã giải ngân 14.320 triệu đồng, số dư nợ vay của 01 dự án là 13.120 triệu đồng.

- Tồn Quỹ đến thời điểm hiện nay là 20.418 triệu đồng.

- Quá trình hoạt động của Quỹ đã thể hiện được vai trò đầu tư phát triển, cũng như góp phần phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thông qua việc cho vay đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, như: cho vay đầu tư lĩnh vực hạ tầng giao thông, du lịch, đặc biệt là lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, tạo động lực tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

Tuy nhiên, khó khăn hiện nay là nguồn vốn của Quỹ còn hạn chế, trong khi nhu cầu vay vốn của các tổ chức, cá nhân là rất lớn, do ngân sách tỉnh khó khăn nên không có nguồn bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ. Mặt khác, Quỹ hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận nên việc huy động vốn từ các thành phần kinh tế khác rất khó thực hiện.

3.2. Quỹ Bảo vệ Môi trường tỉnh:

- Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 436/QĐ-UBND ngày 05/3/2018 về việc ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh An Giang. Theo đó, nhiệm vụ của Quỹ sẽ thực hiện hỗ trợ tài chính (cho vay ưu đãi, hỗ trợ lãi suất, bảo lãnh tín dụng) cho cá nhân, hộ gia đình, tổ hợp tác, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện sản xuất kinh doanh thuộc 08 nhóm sản phẩm nông nghiệp được quy hoạch sản xuất theo hướng ứng dụng công nghệ cao của tỉnh quy định tại Điều 14 Nghị quyết số 40/2016/NQ-HĐND.

- Vốn điều lệ hoạt động của Quỹ là 100 tỷ đồng do ngân sách tỉnh cấp trong 03 năm (2018 - 2020). Năm 2018, ngân sách tỉnh đã bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ số tiền là 60 tỷ đồng. Đến nay, vốn điều lệ của Quỹ là 70 tỷ đồng.

II. Đánh giá kết quả thực hiện, những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện:

1. Đánh giá chung:

Nhìn chung, tình hình triển khai thực hiện chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn được Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và các ngành, các cấp quan tâm chỉ đạo thường xuyên.

Qua kết quả nêu trên, bước đầu có thể khẳng định các cơ chế, chính sách thu hút đầu tư, hỗ trợ đầu tư do Trung ương, do tỉnh ban hành, cùng với quan tâm kêu gọi đầu tư, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của các cấp, các ngành trong quá trình nhà đầu tư tiếp cận dự án, thực hiện thủ tục đầu tư, triển khai dự án... đã tác động, thu hút được các dự án vào nông nghiệp, nông thôn. Từ đó, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp, phát triển các dự án ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao trong nông nghiệp, giải quyết việc làm cho lao động ở khu vực nông thôn. Tuy nhiên, quá trình triển khai thực hiện cũng có một số khó khăn nhất định như:

a) Việc bố trí nguồn vốn Trung ương thực hiện chính sách theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP rất hạn chế, chưa đáp ứng với nhu cầu đầu tư của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh (cả giai đoạn 2016 - 2020, Trung ương hỗ trợ 5.000 triệu đồng cho 02 dự án).

b) Việc công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, mặc dù đã được phân cấp cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương công nhận theo Quyết định số 66/2015/QĐ-TTg ngày 25/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Tuy nhiên, rất khó để triển khai thực hiện Điều 2 Quyết định này vì tiêu chí xác định vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, diện tích phải liền vùng, liền thửa trong địa giới hành chính một tỉnh; đối tượng sản xuất và quy mô của vùng là nhiều và rất lớn. Cụ thể: cây ăn quả lâu năm diện tích tối thiểu là 300 ha; chăn nuôi bò thịt tối thiểu 20.000 con/năm; chăn nuôi lợn thịt số lượng tối thiểu là 40.000 con/năm, lợn giống (lợn nái) tối thiểu 2.000 con/năm; chăn nuôi gia cầm số lượng tối thiểu là 50.000 con/lứa... Trung ương không bố trí đủ vốn để hỗ trợ đầu tư như chính sách đã ban hành.

c) Ngày 19/4/2018, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 19/2018/QĐ-TTg quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Theo đó:

- Doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phải có đủ các điều kiện sau đây:

+ Ứng dụng công nghệ cao thuộc danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển quy định tại Điều 5 Luật Công nghệ cao để sản xuất sản phẩm nông nghiệp, bao gồm: công nghệ thông tin; công nghệ sinh học; công nghệ vật liệu mới; công nghệ tự động hóa.

+ Tạo ra sản phẩm nông nghiệp có chất lượng, năng suất, giá trị và hiệu quả cao, doanh thu từ sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của doanh nghiệp đạt ít nhất 60% trong tổng số doanh thu thuần hàng năm.

+ Có hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm ứng dụng công nghệ cao, chuyển giao công nghệ để sản xuất sản phẩm nông nghiệp, tổng chi cho hoạt động nghiên cứu và phát triển được thực hiện tại Việt Nam trên tổng doanh thu thuần hàng năm đạt ít nhất 0,5%; số lao động có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên trực tiếp thực hiện nghiên cứu và phát triển trên tổng số lao động của doanh nghiệp đạt ít nhất 2,5%.

+ Áp dụng các biện pháp thân thiện môi trường, tiết kiệm năng lượng trong sản xuất và quản lý chất lượng sản phẩm nông nghiệp đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam hoặc tiêu chuẩn quốc tế.

- Thẩm quyền công nhận: Ủy ban nhân dân tỉnh.

Đến nay, vẫn chưa có hướng dẫn chi tiết thi hành của Bộ, ngành Trung ương về thực hiện Quyết định số 19/2018/QĐ-TTg.

2. Nguyên nhân và các giải pháp để cá nhân, hộ gia đình, tổ hợp tác, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tiếp cận vốn vay hỗ trợ theo Nghị quyết số 40/2016/NQ-HĐND:

Cơ chế đặc thù của tỉnh là hỗ trợ vốn vay cho các đối tượng là cá nhân, hộ gia đình, tổ hợp tác, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện sản xuất kinh doanh thuộc 08 nhóm sản phẩm nông nghiệp được quy hoạch sản xuất theo hướng ứng dụng công nghệ cao của tỉnh được quỹ tài chính của tỉnh cho vay không có tài sản bảo đảm. Tuy nhiên, các đối tượng này chưa tiếp cận được vốn vay là do một số nguyên nhân chủ yếu sau:

a) Quy chế hoạt động và quy chế cho vay ưu đãi và hỗ trợ lãi suất sau đầu tư từ Quỹ Bảo vệ Môi trường tỉnh cho các đối tượng chưa được quy định. Do đó, việc tiến hành hỗ trợ tài chính theo Điều 14 Nghị quyết số 40/2016/NQ-HĐND chưa thể thực hiện được.

- Hiện nay, Hội đồng Quản lý Quỹ Bảo vệ Môi trường tỉnh đang lấy ý kiến các Sở, ngành có liên quan về quy chế hoạt động và quy chế cho vay ưu đãi và hỗ trợ lãi suất sau đầu tư để hoàn chỉnh trước khi ban hành. Sau khi quy chế hoạt động và quy chế cho vay ưu đãi và hỗ trợ lãi suất sau đầu tư từ Quỹ Bảo vệ Môi trường tỉnh được ban hành, Hội đồng Quản lý Quỹ sẽ tiến hành hỗ trợ tài chính cho cá nhân, hộ gia đình, tổ hợp tác, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện sản xuất kinh doanh thuộc 08 nhóm sản phẩm nông nghiệp được quy hoạch sản xuất theo hướng ứng dụng công nghệ cao của tỉnh quy định tại Điều 14 Nghị quyết số 40/2016/NQ-HĐND.

- Ngoài ra, các đối tượng nêu trên khó tiếp cận được các nguồn vốn vay, ngoài việc không có tài sản bảo đảm, còn có nguyên nhân chưa có phương án sản xuất kinh doanh khả thi, thị trường đầu vào, đầu ra chưa ổn định; sản phẩm chưa có thương hiệu, sản phẩm dịch vụ chỉ thuần túy là tươi, tiêu, phơi, sấy; các hợp tác xã chưa có mối liên kết sử dụng sản phẩm cùng ngành nghề; vốn điều lệ thấp; cơ sở vật chất còn lạc hậu; chế độ sổ sách kế toán chưa bảo đảm theo quy định, có trường hợp không trung thực, năng lực quản trị điều hành còn hạn chế, nhiều khoản nợ quá hạn ngân hàng chậm được xử lý...

b) Nguồn vốn hỗ trợ tài chính cho chương trình này còn khá khiêm tốn (như: Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh hiện nay tồn quỹ còn 20.418 triệu đồng; Quỹ Bảo vệ Môi trường tỉnh kế hoạch vốn năm 2018 bố trí 60.000 triệu đồng), trong khi nhu cầu vay của doanh nghiệp, nhà đầu tư, cá nhân, hộ gia đình, tổ hợp tác, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã là rất lớn.

c) Việc công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao mặc dù được phân cấp cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố công nhận tại Điều 2 Quyết định số 66/2015/QĐ-TTg ngày 25/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ. Tuy nhiên, rất khó triển khai vì tiêu chí xác định vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao diện tích phải liền vùng, liền thửa trong địa giới hành chính một tỉnh. Đồng thời, đối tượng sản xuất và quy mô của vùng là rất lớn. Đây là những khó khăn cho việc triển khai Nghị định số 55/2015/NĐ-CP của Chính phủ về tín dụng nông nghiệp, nông thôn, Quyết định số 738/QĐ-BNN-KHCN ngày 14/3/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về ban hành tiêu chí xác định chương trình, dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, danh mục công nghệ cao ứng dụng trong nông nghiệp, thậm chí làm ảnh hưởng, gây khó trong công tác triển khai đối với gói tín dụng 3.000 tỷ đồng phục vụ cho chương trình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn theo Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 27/6/2012 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh An Giang về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh An Giang giai đoạn 2012 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

III. Một số giải pháp cơ bản để tăng cường hỗ trợ đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh:

1. Kiến nghị đối với Trung ương:

Tiếp tục kiến nghị Bộ, ngành Trung ương bổ sung vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương để hỗ trợ cho chương trình khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

2. Các nhiệm vụ cụ thể đối với các Sở, ngành và địa phương:

a) Về xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn:

- Các Sở, ngành và địa phương triển khai Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (thay thế Nghị định số 210/2013/NĐ-CP). Cụ thể:

+ Thông tin các cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn đến các nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và Website các Sở, ngành và địa phương.

+ Rà soát cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP, trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh (dự kiến trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua nghị quyết thay thế Nghị quyết số 40/2016/NQ-HĐND tại kỳ họp lần thứ 8 Hội đồng nhân dân khóa IX, nhiệm kỳ 2016 - 2021).

b) Triển khai thực hiện Quyết định số 19/2018/QĐ-TTg ngày 19/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

c) Về hỗ trợ cá nhân, hộ gia đình, tổ hợp tác, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tiếp cận vốn vay theo Nghị quyết số 40/2016/NQ-HĐND:

- Hội đồng Quản lý Quỹ Bảo vệ Môi trường ban hành quy chế hoạt động và quy chế cho vay ưu đãi và hỗ trợ lãi suất sau đầu tư để triển khai thực hiện cho vay hoặc hỗ trợ lãi suất đối với cá nhân, hộ gia đình, tổ hợp tác, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện sản xuất kinh doanh thuộc 08 nhóm sản phẩm nông nghiệp được quy hoạch sản xuất theo hướng ứng dụng công nghệ cao của tỉnh theo quy định tại Điều 14 Nghị quyết số 40/2016/NQ-HĐND.

- Liên minh Hợp tác xã tỉnh chủ trì, phối hợp với Hội Nông dân tỉnh và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện tốt công tác tuyên truyền, tư vấn các chính sách, pháp luật của tỉnh về hỗ trợ cá nhân, hộ gia đình, tổ hợp tác, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tiếp cận vốn vay theo Nghị quyết số 40/2016/NQ-HĐND; giúp nông dân, tổ hợp tác, hợp tác xã xây dựng phương án kinh doanh khả thi, hiệu quả; chuẩn bị hồ sơ liên quan đầy đủ, đúng pháp luật để được các quỹ tài chính của tỉnh xem xét, cho vay theo quy định.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết số 40/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nơi nhận: *Văn*

- TT. Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (b/c);
- Các đại biểu HĐND tỉnh khóa IX;
- Các Sở, ngành, Đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã và thành phố;
- Lưu: HCTC, P. KTTH.



Lê Văn Nung